



Mục tiêu

- Ôn tập lý thuyết phần mở đầu, chương 1 và chương 2 của chương trình sách giáo khoa Sinh 10 – Chân trời sáng tạo.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Sinh học.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của chương trình Sinh 10.

Phần trắc nghiệm (7 điểm):

Câu 1: Trong các phương pháp nghiên cứu Sinh học, để tìm hiểu cấu trúc của cơ thể hay các bộ phận của tế bào, người ta thường thực hiện phương pháp:

- A. Tách chiết.
- B. Nuôi cấy.
- C. Làm tiêu bản.
- D. Giải phẫu.

Câu 2: Đặc điểm mới được hình thành do các bộ phận nhỏ tương tác với nhau tạo nên cấp độ tổ chức sống mà các cấp nhỏ hơn không có gọi là:

- A. đặc tính nổi trội.
- B. đặc tính khác biệt.
- C. đặc tính đặc biệt.
- D. đặc tính cá biệt.

Câu 3: Ở người, nếu thiếu Iodine, tuyến giáp sẽ phát triển bất thường và gây ra bệnh:

- A. cao huyết áp.
- B. xơ vữa động mạch.
- C. sỏi thận.
- D. bướu cổ.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây là **đúng** khi nói về phân tử phospholipid?

- A. Cấu tạo từ một phân tử glycerol liên kết với hay acid béo.
- B. Có tính lưỡng cực, đầu phosphatidycholine ưa nước và đuôi acid béo kỵ nước.
- C. Là thành phần chính trong cấu tạo của thành tế bào ở thực vật.

D. Có tính phân cực, đầu phosphatidycholine ưa nước và đuôi acid béo kỵ nước.

Câu 5: Liên kết được hình thành giữa các phân tử nước tiếp xúc gần với nhau hay giữa phân tử nước với các phân tử phân cực khác gọi là

- A. liên kết cộng hóa trị.
- B. liên kết ion.
- C. liên kết phosphodiester.
- D. liên kết hydrogen.

Câu 6: Trong các nguyên tố hóa học cần thiết cho cơ thể người, nguyên tố chiếm tỉ lệ lớn nhất là:

- A. Carbon.
- B. Hydrogen.
- C. Oxygen.
- D. Nitrogen.

Câu 7: Thành phần nào sau đây không nằm trong cấu tạo của một amino acid?

- A. Đường ribose.
- B. Nhóm amino.
- C. Nhóm R.
- D. Nhóm carboxyl.

Câu 8: Trong cấu trúc của tế bào nhân thực, lưới nội chất đóng vai trò:

- A. Đóng gói, phân loại và phân phối sản phẩm của tế bào.
- B. Kho chứa các sản phẩm chuyển hóa, nguyên tố khoáng, chất độc của tế bào.
- C. Phân giải carbohydrate giải phóng năng lượng cung cấp cho mọi hoạt động sống.
- D. Nhà máy tổng hợp protein, hormone sinh dục, lipid, carbohydrate ... cho tế bào.

Câu 9: Trong cấu trúc của phân tử DNA, các nucleotide khác nhau ở thành phần:

- A. Đường deoxyribose.
- B. Nhóm base.
- C. Góc phosphate.
- D. Đường ribose.

Câu 10: Loại RNA nào dưới đây là thành phần cấu tạo nên Ribosome?

- A. mRNA.
- B. tRNA.
- C. rRNA.
- D. ribozyme.

Câu 11: Hai phân tử đường đơn cấu tạo nên maltose là:

- A. Glucose và glucose.
- B. Glucose và galactose.
- C. Fructose và galactose.
- D. Glucose và fructose.

Câu 12: Trong tiến trình nghiên cứu khoa học, những các cách giải thích có thể kiểm chứng được bằng thực nghiệm cho các câu hỏi đã đề ra gọi là

- A. giả thuyết khoa học.
- B. thí nghiệm kiểm chứng.
- C. xử lí dữ liệu.
- D. Phân tích kết quả nghiên cứu.

Câu 13: Nhóm sắc tố màu vàng và màu cam ở thực vật có bản chất là

- A. Carbohydrate.
- B. Protein.
- C. Hormone.
- D. Lipid.

Câu 14: Phát biểu nào sau đây là không đúng khi nói về vai trò của nước đối với tế bào:

- A. Nước định hình cấu trúc không gian đặc trưng cho nhiều phân tử hữu cơ.
- B. Nước không phân cực nên có thể hòa tan nhiều chất cần thiết với tế bào.
- C. Nước là thành phần chủ yếu cấu tạo nên tế bào và cơ thể.
- D. Nước tham gia trực tiếp vào nhiều phản ứng sinh hóa trong tế bào.

Phần tự luận (3 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm): Phân biệt cấu tạo thành tế bào của vi khuẩn Gram âm (-) và Gram dương (+).

Câu 2 (1,0 điểm): Tại sao chúng ta nên bổ sung protein cho cơ thể từ nhiều loại thức ăn khác nhau mà không nên chỉ ăn một vào loại thức ăn dù những loại đó rất bổ dưỡng?

----- Hết -----

